

Số: 2636 /VD-KD

Hà Nội, ngày 21 tháng 05 năm 2025

V/v yêu cầu báo giá thuốc năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu cung cấp thuốc năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
DS. Hà Tuấn Bảo, DS. Trần Thị Minh Đức- Khoa Dược, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, số điện thoại 024.38.253.531/số máy lẻ 106.
- Bệnh viện tiếp nhận báo giá **đồng thời theo 2 hình thức**:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng 307, Tầng 3, nhà A3 - Khoa Dược, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức - Số 40 Tràng Thi, Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
 - Nhận qua email: vietduchospitalmuasam@gmail.com.*(Lưu ý: Các đơn vị phải gửi báo giá đồng thời theo 2 hình thức nêu trên)*
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 22 tháng 05 năm 2025 đến trước 17h ngày 22 tháng 05 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 02 tháng 06 năm 2025.**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá (chi tiết như Phụ lục 1 đính kèm).
- Thành phần hồ sơ báo giá:
 - Báo giá theo mẫu như Phụ lục 2 đính kèm;
 - Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá;
 - Giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu của sản phẩm.
- Địa điểm cung cấp: Tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
- Thời gian giao hàng dự kiến: giao hàng thành nhiều đợt trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: Không áp dụng
 - Phương thức thanh toán: Qua ủy nhiệm chi của kho bạc Nhà nước, 90 ngày kể từ ngày bên bán cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ (Hóa đơn, các chứng từ khác theo quy định hiện hành của kho bạc nhà nước).
- Các thông tin khác:
 - Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, thuế VAT và các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

- Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...

Rất mong nhận được sự tham gia của các hãng sản xuất, nhà cung cấp. *ghu*

Trân trọng!

Nơi nhận: *ghu*

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.



GIÁM ĐỐC

Đương Đức Hùng

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG YÊU CẦU BẢO GIÁ
(kèm theo công văn số 2636 /VĐ-KD ngày 21 /05/2025)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT/ Tên thuốc biệt độc	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
I. Thuốc generic							
1	Aciclovir	800mg	Uống	viên	Nhóm 4	Viên	4.200
2	Adrenalin	1mg/1ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Ống	70.000
3	Alanine + Arginine + Aspartic acid + Glutamic acid + Glycine + Histidine + Isoleucine + Leucine + Lysine (dưới dạng Lysine acetate) + Methionine + Phenylalanine + Proline + Serine + Threonine + Tryptophan + Tyrosine + Valine + Natri acetat trihydrat + Natri glycerophosphate hydrat + Kali clorid + Magnesi clorid hexahydrat + Calci clorid dihydrat + Glucose anhydrous + Dầu oliu tinh khiết và dầu đậu nành tinh khiết	(3,66g + 2,48g + 0,73g + 1,26g + 1,76g + 1,51g + 1,26g + 1,76g + 1,99g + 1,26g + 1,76g + 1,51g + 1,00g + 1,26g + 0,42g + 0,06g + 1,62g + 1,16g + 1,91g + 1,19g + 0,45g + 0,30g + 75g + 30g)/1000ml; 1000ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	túi	1.200
4	Alanine + Arginine + Aspartic acid + Glutamic acid + Glycine + Histidine + Isoleucine + Leucine + Lysine (dưới dạng Lysine acetate) + Methionine + Phenylalanine + Proline + Serine + Threonine + Tryptophan + Tyrosine + Valine + Natri acetat trihydrat + Natri glycerophosphate hydrat + Kali clorid + Magnesi clorid hexahydrat + Calci clorid dihydrat + Glucose anhydrous + Dầu Oliu tinh khiết và dầu Đậu nành tinh khiết	(8,24g + 5,58g + 1,65g + 2,84g + 3,95g + 3,4g + 2,84g + 3,95g + 4,48g + 2,84g + 3,95g + 3,4g + 2,25g + 2,84g + 0,95g + 0,15g + 3,64g + 1,5g + 3,67g + 2,24g + 0,81g + 0,52g + 110g + 40g)/1000ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	túi	1.200
5	Amikacin (dưới dạng Amikacin sulphat)	500mg	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Lọ	16.000
6	Amikacin (dưới dạng Amikacin sulphat)	250mg	tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Nhóm 4	Ống	20.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT/ Tên thuốc biệt được	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
7	Amiodarone hydrochloride	200 mg	Uống	viên	Nhóm 1	Viên	5.400
8	Amphotericin B	50mg	tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Nhóm 5	Lọ	50
9	Amphotericin B	5mg/ml x 10ml	tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm liposome/ nano/ phức hợp lipid	Nhóm 5	Lọ	50
10	Ampicillin + sulbactam	1g + 0,5g	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Lọ	50.000
11	Anidulafungin	100mg	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Lọ	2.000
12	Anti-human T-lymphocyte immunoglobulin from rabbit	20mg/ml x 5ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Lọ	500
13	Atracurium besilate	25mg/2,5ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	ống	500
14	Bupivacain hydroclorid	5mg/ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 2	lọ/ống	2.000
15	Bupivacain hydroclorid	5mg/ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	lọ/ống	2.000
16	Carboplatin	150mg/15ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Lọ	1.000
17	Cefoperazon	1g	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 2	Lọ	100.000
18	Cefoperazon+ Sulbactam	1g+1g	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 2	Lọ	100.000
19	Cefotiam	2g	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 2	Lọ	40.000
20	Cefpirome	1g	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 2	Lọ	60.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT/ Tên thuốc biệt dược	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
21	Choline Alfoscerate	1000mg/4ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Ống	65.000
22	Ciclosporin	25mg	Uống	viên	Nhóm 1	Viên	100.000
23	Clindamycin (dưới dạng clindamycin phosphat)	600mg	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 2	Ống	80.000
24	Colistimethat natri	1.000.000UI	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Lọ	60.000
25	Colistimethat natri	2.000.000UI	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Lọ	26.000
26	Dầu đậu nành tinh chế+ triglycerid mạch trung bình+ dầu oliu tinh chế+ dầu cá tinh chế	(15g + 15g + 12,5g + 7,5g)/250ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Chai/túi	18.000
27	Dầu đậu nành+ Glycerol+ Phospholipid từ trứng	(25g+ 6,25g+ 1,5g)/250ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Chai	20.000
28	Dầu đậu nành+ Glycerol+ Phospholipid từ trứng	(50g+ 12,5g+ 3g)/500ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Chai	5.000
29	Desflurane	100% (v/v)	Đường hô hấp	thuốc gây mê đường hô hấp	Nhóm 1	Chai	1.700
30	Diazepam	5mg	Uống	viên	Nhóm 1	Viên	47.000
31	Diphenhydramin hydroclorid	10mg/ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Ống	12.000
32	Dung dịch lọc máu liên tục	Khoang A: Mỗi 1000ml chứa Calcium clorid dihydrat 5,145g; Magnesium clorid hexahydrat 2,033g; Acid lactic 5,4g Khoang B: Mỗi 1000ml chứa Sodium clorid 6,45g; Sodium bicarbonate: 3,09g; 5 lít/túi	Tiêm truyền	Dung dịch thẩm phân	Nhóm 1	túi	10.000
33	Epirubicin hydrochloride	50mg/ 25ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Lọ	1.000
34	Ertapenem (dưới dạng Ertapenem natri)	1g	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Lọ	5.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT/ Tên thuốc biệt dược	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
35	Erythropoietin alfa	2000 UI/ 1ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Lọ	12.400
36	Ethyl ester của acid béo iod hóa trong dầu hạt thuốc phiện	4,8g Iod/ 10ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Ống	1.700
37	Etoposid	100mg/5ml	tiêm/ tiêm truyền	thuốc tiêm/ tiêm truyền	Nhóm 4	Lọ	1.200
38	Filgrastim	300mcg/ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 5	Lọ	200
39	Fluconazol	200mg/100ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Chai/túi	1.000
40	Fluconazol	200mg/100ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 5	Chai/túi	15.000
41	Fluconazol	150mg	Uống	viên	Nhóm 1	Viên	2.000
42	Fructose 1-6 diphosphat trisodium	5g	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Lọ	4.000
43	Fructose 1-6 diphosphat sodium	0,5g tương đương 0,375 g Fructose 1-6 diphosphoric acid	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 5	lọ	2.000
44	Furosemid	20mg/2ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Ống	70.000
45	Gemcitabin (dưới dạng Gemcitabin HCl)	200mg	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Lọ	800
46	Gemcitabin (dưới dạng Gemcitabin HCl)	1000mg	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Lọ	1.300
47	Glutathione (dưới dạng Glutathione sodium)	600mg	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	lọ	9.000
48	Glutathion	600mg	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 5	lọ	3.000
49	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	0,08g/10g	khí dung	dung dịch/ hỗn dịch khí dung	Nhóm 1	Lọ	30

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT/ Tên thuốc biệt được	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
50	Human hepatitis B immunoglobulin	50mg/10ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	lọ	2.500
51	Irinotecan hydroclorid trihydrat	40mg/2ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Lọ	1.000
52	Irinotecan hydroclorid trihydrat	100mg/5ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Lọ	1.400
53	Ketorolac trometamol	30mg/1ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	ống	100.000
54	Kẽm gluconat + Đồng gluconat + Mangan gluconat + Natri fluorid + Kali iodid + Natri selenit + Natri molybdat + Crom clorid + Sắt gluconat	(69700,00mcg + 2142,40mcg + 445,69mcg + 2099,50mcg + 170,06mcg + 153,32mcg + 42,93mcg + 30,45mcg + 7988,20mcg)/ 10ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	ống	10.000
55	Lactulose	Mỗi 15ml chứa: Lactulose 10g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Nhóm 1	Gói	3.300
56	L-Alanin, L-Arginin, Amino-acetic acid (Glycin), L-Histidin, L-Isoleucin, L-Leucin, L-Lysin monoacetat (tương đương L-Lysin), L-Methionin, L-Phenylalanin, L-Prolin, L-Serin, L-Threonin, L-Tryptophan, L-Valin, Acetylcystein (tương đương L-Cystein), L-Malic acid, Acid acetic (acid acetic băng)	L-Alanin 1,575g, L-Arginin 1,225g, Amino-acetic acid (Glycin) 0,80g, L-Histidin 1,075g, L-Isoleucin 1,275g, L-Leucin 2,575g, L-Lysin monoacetat 2,5025g (tương đương 1,775g L-Lysin), L-Methionin 0,70g, L-Phenylalanin 0,95g, L-Prolin 1,075g, L-Serin 1,125g, L-Threonin 1,20g, L-Tryptophan 0,475g, L-Valin 1,55g, Acetylcystein 0,125g (tương đương 0,0925g L-Cystein), L-Malic acid 0,375g, Acid acetic 99% (acid acetic băng) 0,345g	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Chai	25.000
57	Lenvatinib (dưới dạng lenvatinib mesilate)	4mg	Uống	viên	Nhóm 1	Viên	1.200
58	Lenvatinib (dưới dạng lenvatinib mesilate)	10mg	Uống	viên	Nhóm 1	Viên	200
59	Levobupivacain (dưới dạng levobupivacain hydroclorid)	50mg/10ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	ống	39.000
60	Lidocain hydroclorid	2%, 200mg/10ml	tiêm/ tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Lọ	30.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT/ Tên thuốc biệt dược	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
61	Magnesi sulfat	15%, 10ml	tiêm/ tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	ống	100.000
62	Meglumin natri succinat	6g/400ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 5	Chai	5.000
63	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	40mg	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	ống	58.000
64	Metoprolol tartrate	50mg	Uống	viên	Nhóm 1	Viên	200.000
65	Metronidazol	500mg/ 100ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Chai/túi	260.000
66	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat) 5 mg	5mg/ 2,5ml	khí dung	dung dịch/ hỗn dịch khí dung	Nhóm 1	ống	30.000
67	Mỗi 500ml chứa: Succinylated Gelatin (Modified fluid gelatin) 20,0g + Sodium clorid 3,505g + Sodium hydroxyd 0,68 g	(20g+ 3,505g +0,68g) / 500ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 5	Chai	27.000
68	Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	21,41g +7,89g/ 133ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Chai	20.000
69	Morphin sulphat	30mg	Uống	viên	Nhóm 4	Viên	2.000
70	N - Acetylcystein	300mg/3ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	ống	17.000
71	Natri clorid	500mg/5ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	ống	80.000
72	Natri clorid + Kali clorid + monobasic kali phosphat + natri acetat.3H2O + magnesi sulfat.7H2O + kẽm sulfat.7H2O + dextrose	(1,955g+0,375g+0,68g+0,68g+0,316g+5,76mg+37,5 g)/ 500ml	tiêm/ tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Chai	38.000
73	Natri Valproate	400mg/4ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	ống	13.300
74	Nicardipin hydrochlorid	10mg/10ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	ống	15.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT/ Tên thuốc biệt dược	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
75	Nimodipin	10mg/50ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Chai/túi	10.000
76	Nimodipin	10mg/50ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 2	Chai/túi	15.000
77	Nimodipin	10mg/50ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Chai/túi	6.000
78	Noradrenalin base (dưới dạng noradrenalin tartrat)	4mg/4ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	ống	45.000
79	Octocog alfa (recombinant human coagulation factor VIII (rFVIII))	500IU	tiêm/ tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 5	Lọ	20
80	Octreotide (dưới dạng octreotide acetate)	0,1mg/ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	ống	10.000
81	Oxacilin	1g	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Lọ	65.000
82	Oxaliplatin	50mg/10ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Lọ	1.500
83	Oxaliplatin	150mg/30ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	lọ	1.000
84	Palonosetron (dưới dạng palonosetron hydroclorid)	0,25 mg/5ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	lọ	100
85	Paracetamol	500mg	Uống	viên sủi	Nhóm 1	Viên	50.000
86	Paracetamol	80mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Nhóm 1	Gói	1.000
87	Paracetamol	1g/100ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	Chai/túi	200.000
88	Paracetamol + Codein phosphate (dưới dạng codein phosphate hemihydrate)	500mg + 30mg	Uống	viên	Nhóm 1	Viên	20.000
89	Prednisolon	5mg	Uống	viên	Nhóm 4	Viên	700.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT/ Tên thuốc biệt được	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
90	Propofol	10mg/ml x 50ml	tiêm/ tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	lọ/ống	10.000
91	Propofol	10mg/ml x 20ml	tiêm/ tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	lọ/ống	48.000
92	Rabeprazole natri	20mg	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 2	Lọ	30.000
93	Retinol palmitate tương đương Retinol + Cholecalciferol + DL alpha- tocopherol tương đương alpha- tocopherol + Acid Ascorbic + Cocboxylase tetrahydrate tương đương Thiamine + Riboflavin dihydrate sodium phosphate tương đương Riboflavin + Pyridoxine hydrochloride tương đương Pyridoxin + Cyanocobalamine + Folic acid + Dexpanthenol tương đương Pantothenic acid + D-Biotin + Nicotinamide	3500IU + 220IU + 11,2IU + 125mg + 3,51mg + 4,14mg + 4,53mg + 0,006mg +0,414mg + 17,25mg + 0,069mg+ 46mg	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	lọ	30.000
94	rHu Erythropoietin beta	2000IU/1ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 5	Lọ	11.000
95	Rocuronium bromide	50mg/5ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	lọ	40.000
96	Simethicon	40mg/ ml x 30ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Nhóm 1	Lọ	130
97	Sugammadex (dưới dạng Sugammadex natri)	100mg/ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 2	lọ	1.000
98	Tobramycin (dưới dạng tobramycin sulfat)	40mg/1ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	ống	60.000
99	Tranexamic acid	250mg/5ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 2	lọ/ống	90.000
100	Tranexamic acid	250mg/5ml	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 4	lọ/ống	116.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT/ Tên thuốc biệt được	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
101	Túi 3 ngăn chứa: dung dịch glucose (Glucose (dạng Glucose monohydrat)) + dung dịch acid amin có điện giải (Alanin ; Arginin ; Calci clorid (dạng Calci clorid dihydrat); Glycin ; Histidin; Isoleucin ; Leucin; Lysin (dạng Lysin acetat); Magnesi sulfat (dạng Magnesi sulfat heptahydrat); Methionin; Phenylalanin; Kali clorid; Prolin; Serin; Natri acetat (dạng Natri acetat trihydrat); Natri glycerophosphat; Taurin; Threonin; Tryptophan; Tyrosin; Valin; Kẽm sulfat (dạng Kẽm sulfat heptahydrat)) + nhũ tương mỡ (Dầu đậu tương tinh chế; Triglycerid mạch trung bình; Dầu ô-liu tinh chế; Dầu cá giàu acid béo omega-3).	Túi 3 ngăn 1206ml chứa: 656ml dung dịch glucose 13% (Glucose 85 gam (dạng Glucose monohydrat)) + 380ml dung dịch acid amin có điện giải (Alanin 5,3 gam; Arginin 4,6 gam; Calci clorid 0,21 gam (dạng Calci clorid dihydrat); Glycin 4,2 gam; Histidin 1,1 gam; Isoleucin 1,9 gam; Leucin 2,8 gam; Lysin 2,5 gam (dạng Lysin acetat); Magnesi sulfat 0,46 gam (dạng Magnesi sulfat heptahydrat); Methionin 1,6 gam; Phenylalanin 1,9 gam; Kali clorid 1,7 gam; Prolin 4,2 gam; Serin 2,5 gam; Natri acetat 1,3 gam (dạng Natri acetat trihydrat); Natri glycerophosphat 1,6 gam; Taurin 0,38 gam; Threonin 1,7 gam; Tryptophan 0,76 gam; Tyrosin 0,15 gam; Valin 2,4 gam; Kẽm sulfat 0,005 gam (dạng Kẽm sulfat heptahydrat)) + 170ml nhũ tương mỡ 20% (Dầu đậu tương tinh chế 10,2 gam; Triglycerid mạch trung bình 10,2 gam; Dầu ô-liu tinh chế 8,5 gam; Dầu cá giàu acid béo omega-3 5,1 gam).	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	túi	3.200
102	Ursodeoxycholic acid	300mg	Uống	viên	Nhóm 1	Viên	2.400
103	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydrochlorid)	500mg	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Lọ	15.000
104	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydrochlorid)	1g	tiêm/tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 2	Lọ	30.000
105	Voriconazol	200mg	Uống	viên	Nhóm 2	Viên	200
106	Yếu tố đông máu VIIa tái tổ hợp (rFVIIa-Eptacog alfa hoạt hóa)	1mg	tiêm/ tiêm truyền	thuốc tiêm/tiêm truyền	Nhóm 1	Lọ	12
	Tổng số: 106 khoản thuốc generic						

II. Thuốc biệt được gốc

1	Amlodipine (dưới dạng amlodipine besilate)	5mg	Uống	Viên nang cứng	Amlor hoặc tương đương	Viên	10.000
2	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin hemicalci.1,5 H2O)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Lipitor hoặc tương đương	Viên	14.800

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT/ Tên thuốc biệt được	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
3	Epoetin alfa	2000 IU/0,5ml	Tiêm	dung dịch tiêm	Eprex 2000 U hoặc tương đương	Ống	7.500
4	Ertapenem (dưới dạng Ertapenem natri) 1g	1g	tiêm/tiêm truyền	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Invanz hoặc tương đương	Lọ	5.000
5	Esomeprazole natri	42,5mg (tương đương với esomeprazol 40mg)	Tiêm/ Tiêm truyền tĩnh mạch	Bột pha dung dịch tiêm/ truyền tĩnh mạch	Nexium hoặc tương đương	Lọ	78.000
6	Iopromide	623,40mg/ml, 100ml	tiêm/tiêm truyền	Dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Ultravist 300 hoặc tương đương	Chai	8.200
7	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat	2%	Dùng ngoài	Gel	Xylocaine Jelly hoặc tương đương	Tuýp	3.000
8	Losartan potassium	50mg	uống	viên nén bao phim	Cozaar 50mg hoặc tương đương	Viên	50.000
9	Metoprolol succinat	47,5mg (tương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol)	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Betaloc Zok 50mg hoặc tương đương	Viên	270.000
10	Neupogen	30MU/0,5ml	Tiêm	dung dịch tiêm	Filgrastim hoặc tương đương	bơm tiêm	100
11	Palonosetron (dưới dạng palonosetron hydroclorid)	0,25mg/5ml	tiêm/tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Aloxi hoặc tương đương	Lọ	150
12	Peptide (Cerebrolysin concentrate)	215,2 mg/ml	Tiêm, truyền	Dung dịch tiêm và truyền	Cerebrolysin hoặc tương đương	Ống	23.500
13	Propofol	10mg/ml	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch (IV)	nhũ tương tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Diprivan hoặc tương đương	Ống	20.000
14	Propofol	10mg/ml (1%)	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch (IV)	nhũ tương tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Diprivan hoặc tương đương	Bơm tiêm	7.500
15	Sevoflurane	250ml	Gây mê qua đường hô hấp	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Sevorane hoặc tương đương	Chai	3.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT/ Tên thuốc biệt được	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
16	Sugammadex (dưới dạng sugammadex natri)	100mg/ ml x 2ml	tiêm	dung dịch tiêm tĩnh mạch	Bridion hoặc tương đương	Lọ	3.000
	Tổng số : 16 khoản thuốc biệt được						

PHỤ LỤC 2 - MẪU BÁO GIÁ
(kèm theo công văn số 2636 /VĐ-KD ngày 21 /5/2025)

Kính gửi: BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, Chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá các mặt hàng thuốc như sau:

STT	STT theo Yêu cầu báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc theo TT 07	Đơn vị tính	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1														
2														
n	...													

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng **không nhỏ hơn 90 ngày**], kể từ ngày ... tháng... năm. ..

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các mặt hàng nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

4. Thông tin của người phụ trách làm báo giá [ghi cụ thể tên và số điện thoại liên hệ].

..., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))